TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15/2019/QĐST-HNGĐ	*Nhà Bè, ngày 14 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 86, 116 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 561/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Nguyễn Văn S – Sinh năm: 1987

2/ Bà Trần Thị Ánh T – Sinh năm: 1993

Cùng địa chỉ: Số 866/14C Đường X, Tổ 8, Ấp Y, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 thì ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T cùng thuận tình ly hôn. Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T cùng cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Theo lời trình bày của người yêu cầu giải quyết việc dân sự thì thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng kể từ đầu năm 2018 thì ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sốngthường xuyên cãi nhau về kinh tế, tiền bạc trong gia đình, về cách nuôi dạy con cái và các mối quan hệ bên ngoài.

Cũng từ khoảng đầu năm 2018 ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T đã sống ly thân. Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T cùng yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét: Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do vậy, việc công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T cùng thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Trí Thiện – Sinh ngày 30/5/2016.

Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T cùng thống nhất giao con chung là Nguyễn Trí Thiện – Sinh ngày 30/5/2016 cho bà Trần Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

c. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Ánh T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn Văn S đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 86, khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, thay đổi mức cấp

dưỡng nuôi con hoặc buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

d. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T cùng xác nhận không có.

e. Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm do ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T mỗi người phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng cộng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Ánh T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0033510 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Long